

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Kim Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Ánh, bà Nguyễn Thị Băng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 236/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19-8-2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Hằng N, sinh năm 2000.

- Bị đơn: Anh Đỗ Mạnh C, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 04-7-2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Thị Hằng N trình bày:

Chị và anh Đỗ Mạnh C đăng ký kết hôn ngày 14-02-2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn được vài tháng thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nhưng cơ bản nhất là xuất phát từ vấn đề kinh tế. Anh C tuy có đi làm nhưng không mang lương về,

để mặc chị phải đối mặt với mọi khoản chi phí sinh hoạt của hai vợ chồng và con. Anh C rất ham vui, mặc dù đã đi làm cả ngày và về nhà khi đã muộn nhưng không dành thời gian cho vợ con mà đi chơi, rượu chè với bạn bè đến khuya, có hôm đi qua đêm không về dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung vô cùng mệt mỏi. Sau mỗi lần xích mích, anh C cũng xin lỗi và hứa hẹn sẽ thay đổi nhưng thực tế thì không làm được, vẫn chứng nào tật ấy. Chị đã hoàn toàn mất niềm tin vào anh C, không còn hi vọng có thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Anh chị vẫn sống chung một nhà nhưng tình cảm của chị dành cho anh C đã hết. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về con chung: Chị và anh Đỗ Mạnh C có 01 con chung là cháu Đỗ Phương T, sinh ngày 02-5-2019. Chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty cổ phần M1. Thu nhập bình quân dao động từ 6.500.000 đồng đến 7.100.000 đồng/tháng, tùy thuộc vào sản lượng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Đỗ Mạnh C trình bày:

Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị N đã trình bày là đúng. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, tuy rằng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt, không đáng kể. Nguyên nhân xuất phát từ những khác biệt về suy nghĩ và tính cách. Đến đầu năm 2024, mâu thuẫn vợ chồng có phần gay gắt bởi nhiều vấn đề như kinh tế khó khăn, môi trường làm việc không tương đồng và về cá nhân anh do tính chất công việc là phải đi làm sớm và trở về nhà khi đã muộn, cũng có lúc ham vui với bạn bè nên chị N không hài lòng, sinh ra cãi vã. Sau đó, anh cũng đã nhận lỗi và hứa sẽ sửa chữa nhưng chị N nói không còn tin anh. Gia đình hai bên cũng đã khuyên nhủ, động viên nhưng tình trạng không được cải thiện. Bản thân anh thừa nhận cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù chị N xác định tình cảm vợ chồng

đã hết nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Mai Thị Hằng N có 01 con chung là cháu Đỗ Phương T, sinh ngày 02-5-2019. Trong trường hợp anh chị ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay anh đang là lao động tự do, công việc cụ thể là làm về mảng cơ khí, không có hợp đồng lao động, thu nhập bình quân hàng tháng từ 6.000.000 đồng- 7.000.000 đồng. Công việc buổi sáng bắt đầu vào 07 giờ đến 12 giờ, buổi chiều từ 13 giờ 30 phút đến 18 giờ 30 phút, thỉnh thoảng có phải đi công trình ở ngoài địa bàn thành phố Y trong 07 ngày đến 10 ngày. Anh có nơi ở ổn định, hiện vẫn ở chung với bố mẹ để anh là ông Đỗ Văn M và bà Nguyễn Thị T1 ở thôn M, xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Do đó, anh còn nhận được sự hỗ trợ của bố mẹ để anh trong việc chăm sóc và nuôi dạy con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng việc hòa giải không thành, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn anh Nguyễn Mạnh C1 đăng ký thường trú tại thôn M, xã T thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

[2] Về hôn nhân: Chị Mai Thị Hằng N và anh Đỗ Mạnh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái ngày 14-02-2019 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết, các đương sự đều thừa nhận

nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do xuất phát từ vấn đề kinh tế và những bất đồng, không hòa hợp trong tính cách và lối sống. Anh C tuy yêu thương vợ con nhưng vẫn chưa thật sự dành thời gian và sự quan tâm cho gia đình. Chị N xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C; anh C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn được đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái nhưng bản thân anh cũng thừa nhận anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng khi mà chị N không còn tình cảm và niềm tin dành cho anh. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn anh C.

[3] Về con chung: Chị N và anh C có một con chung là cháu Đỗ Phương T, sinh ngày 02-5-2019. Chị N đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh C cũng đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra các Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ để các đương sự chứng minh thu nhập cũng như các điều kiện đảm bảo cho việc nuôi con của mình. Chị N đã giao nộp hợp đồng lao động, xác nhận mức lương của chị tại Công ty cổ phần M1. Anh C là lao động tự do, không có hợp đồng lao động nhưng cũng có thu nhập, tại nơi cư trú luôn chấp hành mọi chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, không có hành vi vi phạm pháp luật, được trưởng thôn Minh T2 và Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Y xác nhận tại đơn xin xác nhận đề ngày 19-7-2024.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng được nuôi dưỡng con chung của chị N và anh C là phù hợp với quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con được quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình; chị N và anh C đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho con.

Về thu nhập, chị N hiện đang làm công nhân tại Công ty cổ phần M1 với thu nhập bình quân dao động từ 6.500.000 đồng đến 7.100.000 đồng/tháng. Anh C hiện đang là lao động tự do, tuy có thu

nhập nhưng so với chị N thì có phần không ổn định. Cháu T còn nhỏ, lại là con gái, ở với mẹ sẽ đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của cháu hơn.

Từ những căn cứ và phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con nên giao cháu Đỗ Phương T cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Mai Thị Hằng N được ly hôn anh Đỗ Mạnh C.

2. Về con chung: Giao cho chị Mai Thị Hằng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Phương T, sinh ngày 02-5-2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Anh Đỗ Mạnh C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mai Thị Hằng N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2024/0000971 ngày 05-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chị N đã nộp đủ tiền án phí. Anh Đỗ Mạnh C không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị Hằng N và anh Đỗ Mạnh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TP.Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã Tuy Lộc, TP Yên Bái;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Tạ Thị Kim Anh

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ T HẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Tạ Thị Kim A

